TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 04-3-2020.
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần N, sinh năm 1974. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn A, xã HA, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23-4-1997. Qua thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã thỏa thuận chia tài sản chung xong và đã sống ly thân được một năm

rưỡi. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 cháu tên là Trần Thị Thảo N, sinh ngày 18-6-1997; Trần Thanh T, sinh ngày 28-12-2003 và Trần Thanh B, sinh ngày 25-9-2009. Cháu N đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên anh không có yêu cầu gì; anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu T đang ở và làm việc cùng với anh; cháu B đang ở cùng chị T.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Anh không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - chị T trình bày:

Chị thống nhất với phần trình bày của anh N về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị và anh N đã không sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên, anh N yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý, nếu vợ chồng không sống chung được thì sống riêng đợi các con cưới vợ, cưới chồng.

Về con chung: Có 03 cháu như anh N trình bày. Trường hợp ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu B, giao cháu T cho anh N nuôi; cháu N đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên chị không có yêu cầu gì. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu T đang làm việc cùng với anh N; cháu B đang ở cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị thống nhất với ý kiến của anh N. Chị không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T cư trú tại thôn A, xã HA, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; anh N yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp

về *"Ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23-4-1997 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, anh N và chị T thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã tự thỏa thuận chia tài sản chung và không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu đoàn tụ vì lý do *"vợ chồng không sống chung được thì sống riêng đợi các con cưới vợ, cưới chồng"* là không có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N.

[3]. Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi cháu T, chị T yêu cầu được nuôi cháu B. Việc yêu cầu nuôi con của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của các con. Hiện nay, cháu T đang ở và làm việc cùng với anh N; cháu B đang ở cùng chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần N về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần N và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 28-12-2003 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Trần Thanh B, sinh ngày 25-9-2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007147 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04-3-2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn (Giấy CNKH số 20, quyển số 01/97 ngày 23/4/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ